

Số: /KH-UBND

Vụ Bản, ngày tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ
hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương năm 2024**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức);

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ: Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV của Bộ Nội vụ, Bộ Y tế: Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa;

Căn cứ Công văn 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh Nam Định ban hành quy định quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên mầm non hợp đồng, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức danh, chức vụ trong doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước thuộc tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc giao biên chế công chức quản lý hành chính nhà nước, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, các tổ chức hội của tỉnh Nam Định năm 2024 và giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Nam Định điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, các tổ chức hội của huyện Vụ Bản năm 2024 tại Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 13/8/2024 của UBND huyện Vụ Bản về việc điều chỉnh số lượng chỉ tiêu làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, các tổ chức hội của huyện Vụ Bản năm 2024 tại Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND huyện Vụ Bản;

Căn cứ Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND huyện Vụ Bản về việc Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực từng vị trí việc làm của Trung tâm Y tế huyện Vụ Bản;

Căn cứ Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND huyện Vụ Bản về việc Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực từng vị trí việc làm của Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện Vụ Bản;

Căn cứ Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND huyện Vụ Bản về việc Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực từng vị trí việc làm của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Vụ Bản;

Căn cứ Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND huyện Vụ Bản Phê duyệt khung Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực từng vị trí việc làm trong các Trường Tiểu học công lập huyện Vụ Bản;

Căn cứ Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND huyện Vụ Bản về việc Phê duyệt khung Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực từng vị trí việc làm trong các Trường Trung học cơ sở công lập huyện Vụ Bản;

Căn cứ Đề án số 06/ĐA-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Vụ Bản về xét thăng hạng viên chức từ hạng V lên hạng IV, từ hạng IV lên hạng III năm 2024 huyện Vụ Bản;

Căn cứ Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Vụ Bản năm 2024.

UBND huyện Vụ Bản ban hành Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC XÉT THĂNG HẠNG

1. Mục đích

- Bảo đảm kịp thời chế độ, chính sách cho đội ngũ viên chức; bố trí viên chức đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đảm nhiệm vị trí việc làm và hạng chức danh nghề nghiệp phù hợp với cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của đơn vị.

- Lựa chọn được những viên chức đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của CDNN theo quy định, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Động viên, khuyến khích viên chức trong đơn vị học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2. Yêu cầu và nguyên tắc xét thăng hạng

- Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nếu đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

II. CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG

Tổng số: 51 chỉ tiêu

1. Vị trí việc làm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 10 chỉ tiêu

+ Chức danh nghề nghiệp Y sĩ hạng IV (mã số V.08.03.07) lên chức danh nghề nghiệp Bác sĩ hạng III (mã số V.08.01.03): 01 chỉ tiêu

+ Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV (mã số V.08.05.13) lên chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III (mã số V.08.05.12): 08 chỉ tiêu

+ Chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng IV (mã số V.08.06.16) lên chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng III (mã số V.08.06.15): 01 chỉ tiêu

2. Vị trí việc làm giữ chức vụ chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn dùng chung: 41 chỉ tiêu

+ Chức danh nghề nghiệp Y sĩ hạng IV (mã số V.08.03.07) lên chức danh nghề nghiệp Bác sĩ hạng III (mã số V.08.01.03): 03 chỉ tiêu

+ Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV (mã số V.08.05.13) lên chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III (mã số V.08.05.12): 01 chỉ tiêu

+ Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật Y hạng IV (mã số V.08.07.19) lên chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật Y hạng III (mã số V.08.07.19): 01 chỉ tiêu

+ Chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV (mã số V.08.08.23) lên chức danh nghề nghiệp Dược sĩ hạng III (mã số V.08.08.22): 04 chỉ tiêu

+ Chức danh nghề nghiệp Kế toán viên trung cấp (mã số V.06.032) lên chức danh nghề nghiệp Kế toán viên (mã số V.06.031): 15 chỉ tiêu

+ Chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV (mã số V.10.02.07) lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III (mã số V.10.02.06): 16 chỉ tiêu

+ Chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp (mã số V.10.10.36) lên chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hóa (mã số V.10.10.35): 01 chỉ tiêu

III. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Đối tượng

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương, gồm:

- Viên chức thuộc Trung tâm Y tế, Trung tâm Văn hóa-Thông tin và Thể thao, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các trường tiểu học, trường Trung học cơ sở đăng ký xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Kế toán viên trung cấp (mã số V.06.032) lên chức danh nghề nghiệp Kế toán viên (mã số V.06.031).

- Viên chức thuộc Trung tâm Văn hóa-Thông tin và Thể thao, các trường tiểu học, trường Trung học cơ sở đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Thư viện viên hạng IV (mã số V.10.02.07) lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III (mã số V.10.02.06).

- Viên chức thuộc Trung tâm Y tế đăng ký xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Y sĩ hạng IV (mã số V.08.03.07) lên chức danh nghề nghiệp Bác sĩ hạng III (mã số V.08.01.03).

- Viên chức thuộc Trung tâm Y tế đăng ký xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV (mã số V.08.05.13) lên chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III (mã số V.08.05.12).

- Viên chức thuộc Trung tâm Y tế đăng ký xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng IV (mã số V.08.06.16) lên chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng III (mã số V.08.06.15).

- Viên chức thuộc Trung tâm Y tế đăng ký xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV (mã số V.08.08.23) lên chức danh nghề nghiệp Dược sĩ hạng III (mã số V.08.08.22).

- Viên chức thuộc Trung tâm Y tế đăng ký xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật Y hạng IV (mã số V.08.07.19) lên chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật Y hạng III (mã số V.08.07.19).

- Viên chức thuộc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao đăng ký xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp (mã số V. 10.10.36) lên chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hóa (mã số V. 10.10.35).

2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng

Viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương nếu đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

2.1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2024 khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng CDNN; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận CDNN cao hơn ở hạng liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn CDNN dự xét thăng hạng.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ. Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2. Điều kiện tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp

2.2.1. Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ Kế toán viên trung cấp lên Kế toán viên

Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Kế toán viên quy định tại Điều 5, Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật khác về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê và

thông tin kinh tế có liên quan; có khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực công tác được phân công;

- Nắm được các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;

- Biết phương pháp nghiên cứu, đề xuất triển khai hoặc bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, tổng kết cải tiến nghiệp vụ quản lý, nắm được xu thế phát triển nghiệp vụ trong nước và quốc tế;

- Biết tổ chức triển khai các hoạt động về quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị;

- Có khả năng tiếp thu, nắm bắt và kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật hiện đại để trao đổi và sử dụng các tài liệu kế toán, thông tin kế toán, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử và giao dịch điện tử;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

c) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập hoặc chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

d) Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong đó có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ.

2.2.2. Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ Thửa viên viên hạng IV lên Thửa viên viên hạng III

Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III quy định tại Điều 6, Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và du lịch, cụ thể:

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển về thư viện và văn hóa đọc;
- Nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về thư viện;
- Có năng lực phân tích, tổng hợp, những vấn đề được giao tham mưu, quản lý;
- Có năng lực hướng dẫn chỉ tiêu sử dụng thư viện sử dụng tiện ích thư viện để tiếp cận và khai thác thông tin;
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

c) Viên chức có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh thư viện viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.2.3. Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ Y sĩ hạng IV lên Bác sĩ (hạng III)

Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Bác sĩ (hạng III) quy định tại Điều 6, Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV, được sửa đổi bổ sung tại Điều 1 Thông tư số 03/2022/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế, cụ thể:

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp bác sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành Y học dự phòng); bác sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN bác sĩ hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (dùng cho các hạng chức danh bác sĩ).

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Hiểu biết quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; nắm được định hướng phát triển chuyên môn, kỹ thuật chuyên ngành;

- Có kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và cấp cứu thông thường;

- Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng bệnh và chữa bệnh;

- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe nhân dân;

- Có kỹ năng giao tiếp, cộng tác với đối tượng phục vụ và đồng nghiệp.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.2.4. Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ Điều dưỡng hạng IV lên Điều dưỡng hạng III

Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III quy định tại Điều 5, Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, được sửa đổi bổ sung tại Điều 3 Thông tư số 03/2022/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế, cụ thể:

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học ngành Điều dưỡng.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (dùng cho các hạng chức danh điều dưỡng)

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Hiểu biết về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Hiểu biết về sức khỏe, bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng, sử dụng quy trình điều dưỡng làm cơ sở để lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện can thiệp điều dưỡng bảo đảm an toàn cho chỉ tiêu bệnh và cộng đồng;

- Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, sơ cứu, cấp cứu và đáp ứng hiệu quả khi có tình huống cấp cứu, dịch bệnh và thảm họa;

- Có kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe và giao tiếp hiệu quả với chỉ tiêu bệnh và cộng đồng;

- Có kỹ năng đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu khoa học, hợp tác với đồng nghiệp và phát triển nghề nghiệp;

- Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng IV lên chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh điều dưỡng hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.2.5. Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ Hộ sinh hạng IV lên Hộ sinh hạng III

Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng III quy định tại Điều 8, Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, được sửa đổi bổ sung tại Điều 3 Thông tư số 03/2022/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế, cụ thể:

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học ngành Hộ sinh.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hộ sinh hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (dùng cho các hạng chức danh hộ sinh).

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Hiểu biết về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Thực hiện thành thạo các kỹ năng cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực sản phụ khoa và sơ sinh;
- Hiểu biết các nguyên tắc trong chăm sóc sức khỏe ban đầu vào công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản;
- Có năng lực giao tiếp, thuyết trình và ứng xử linh hoạt, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập;
- Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp hộ sinh hạng IV lên chức danh nghề nghiệp hộ sinh hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hộ sinh hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh hộ sinh hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.2.6. Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ Kỹ thuật Y hạng IV lên Kỹ thuật y hạng III

Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật Y hạng III quy định tại Điều 11, Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, đã được sửa đổi bổ sung tại Điều 3 Thông tư số 03/2022/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế, cụ thể:

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học nhóm ngành Kỹ thuật y học; đại học ngành Kỹ thuật phục hình răng.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (dùng cho các hạng chức danh kỹ thuật y).

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Hiểu biết quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Có năng lực thực hiện thành thạo kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm;

- Có năng lực sử dụng thành thạo và bảo quản trang thiết bị phục vụ chuyên môn;

- Có năng lực phân tích, kiểm tra, giám sát quy trình kỹ thuật; đề xuất giải pháp bảo đảm chất lượng kỹ thuật chuyên môn trong phạm vi được giao.

- Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng IV lên chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh kỹ thuật y hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.2.7. Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ Dược hạng IV lên Dược sĩ hạng III

Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dược sĩ hạng III quy định tại Điều 6, Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV, được sửa đổi bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 03/2022/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế, cụ thể:

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học nhóm ngành Dược học.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược hoặc có chứng chỉ hành nghề dược (dùng cho các hạng chức danh dược).

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Hiểu biết quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Có kỹ năng tổ chức và thực hành tốt trong các lĩnh vực kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm;

- Có kỹ năng thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược;

- Xây dựng và triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và trong các chương trình y tế quốc gia;

- Thông tin thuốc và tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.”

- Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp dược hạng IV lên chức danh nghề nghiệp dược hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp dược hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh dược hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.2.8. Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp lên Tuyên truyền viên văn hóa

Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hóa quy định tại Điều 5, Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cụ thể:

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa.

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động tuyên truyền;
- Nắm được phương pháp tổ chức, hình thức hoạt động tuyên truyền;
- Có hiểu biết về lịch sử, văn hóa, xã hội trên địa bàn được phân công quản lý;
- Có kiến thức về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; có một trong các kỹ năng: Thuyết minh, thuyết trình, biểu diễn nhạc cụ, biểu diễn văn nghệ, hội họa, thiết kế, thi công cổ động trực quan hoặc các kỹ năng nghiệp vụ khác phù hợp với hình thức tuyên truyền;
- Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ yêu cầu nhiệm vụ;
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

c) Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa: Có thời gian công tác giữ CDNN tuyên truyền viên văn hóa trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh tuyên truyền viên văn hóa trung cấp tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

3. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng CDNN

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng có trách nhiệm chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 36 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, gồm:

- (1)- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng CDNN, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;
- (2)- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng CDNN của viên chức theo quy định (về trình độ đào tạo; tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; đánh giá xếp loại chất lượng năm gần nhất với năm đăng ký xét thăng hạng);
- (3)- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm liền kề với năm dự xét thăng hạng CDNN (*gồm bản sao chứng thực các văn bản: Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng viên chức năm 2023, Quyết định hoặc Thông báo kết quả xếp loại chất lượng viên chức năm 2023 của cả cơ quan, đơn vị*);

(4)- Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN xét thăng hạng. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng CDNN xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng CDNN đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

(5)- Bản sao có chứng thực các Quyết định liên quan của cá nhân, gồm: Quyết định tuyển dụng viên chức, quyết định hết tập sự và bổ nhiệm CDNN lần đầu, các quyết định CDNN khác (nếu có thay đổi CDNN trong quá trình công tác) và quyết định nâng lương trong toàn bộ quá trình công tác;

(6)- Các minh chứng khác theo tiêu chuẩn, điều kiện của CDNN dự xét do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành.

Hồ sơ đăng ký dự xét của mỗi viên chức được bỏ vào 01 bì đựng riêng có kích thước 250x340x5 mm, ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, đơn vị công tác và thành phần hồ sơ bên trong.

IV. TỔ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hình thức: Xét thẩm định hồ sơ.

2. Nội dung

Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức đối với viên chức dự xét thăng hạng và tiêu chuẩn điều kiện đối với từng chức danh nghề nghiệp.

3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

Trường hợp có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;
- Viên chức là nữ;

- Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

4. Thời gian thực hiện xét thăng hạng: Trong tháng 01 năm 2025.

5. Địa điểm tổ chức xét: UBND huyện Vụ Bản.

6. Kinh phí thực hiện xét thăng hạng: từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ

- Tham mưu UBND huyện thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng theo quy định;
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện đầy đủ các quy trình, thủ tục xét thăng hạng theo quy định.
- Chịu trách nhiệm giúp Hội đồng thu, chi, quyết toán kinh phí tổ chức kỳ xét thăng hạng theo quy định.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến tổ chức xét thăng hạng theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

- Triển khai thực hiện việc xét thăng hạng theo quy định.
- Các thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện nhiệm vụ được phân công theo quy định về thăng hạng viên chức.
- Báo cáo Chủ tịch UBND huyện công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Phối hợp với Phòng Nội vụ đảm bảo kinh phí tổ chức kỳ xét thăng hạng đúng quy định.

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập

- Thông báo công khai về văn bản, hướng dẫn, kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2024 để viên chức trong đơn vị mình có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự xét thăng hạng.
- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND huyện về tiêu chuẩn, điều kiện và tính xác thực của thành

phần tài liệu có trong hồ sơ của người được cử tham dự kỳ xét thăng hạng năm 2024. Rà soát lại danh sách viên chức đã được cử đăng ký dự xét; trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét hoặc có thay đổi thông tin về vị trí, chức vụ, chức danh, cơ quan công tác và các thông tin khác có liên quan thông báo kịp thời về UBND huyện (qua phòng Nội vụ) **chậm nhất ngày 06/01/2025** để tổng hợp, thẩm định và trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt danh sách đủ điều kiện dự xét theo quy định.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan

Phối hợp với Phòng Nội vụ thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân huyện, Hội đồng thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giao trong quá trình tổ chức thực hiện.

Trên đây là kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương của huyện Vụ Bản năm 2024. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị báo cáo về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) để hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Các ĐVSN công lập thuộc UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Khắc Xung